

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày 24 – 01 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2023/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1951 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm N, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm N, thị t, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và các lời khai tại Tòa án bà Lê Thị Yến N (Nguyên đơn) trình bày:

Ngày 28.5.2020 âm lịch bà K có vay của bà số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi năm là 12.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm. Khi đến hạn bà K xin gia hạn thêm và đã trả lãi số tiền là 24.000.000 đồng, từ ngày 28/5/2023 âm lịch thì không lãi cho đến nay. Nay bà yêu cầu bà K trả số tiền vay vốn là

100.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 28/5/2023 âm lịch đến nay, mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Tại các lời khai tại Tòa án, bà Lê Thị K (Bị đơn) trình bày:

Ngày 28.5.2017 âm lịch bà có vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi năm là 12.000.000 đồng, không có biên nhận. Bà đóng lãi cho bà N 06 năm là 72.000.000 đồng, việc đóng lãi thì chỉ đưa tiền cho bà N chứ không làm giấy tờ. Từ ngày 28.5.2023 âm lịch đến nay, bà không đóng lãi cho bà N. Ngày 28.5.2020 âm lịch bà không làm biên nhận nợ vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng và cũng không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký tại biên nhận nợ do bà N cung cấp. Nay bà xác định còn thiếu bà N và đồng ý trả số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng nhưng sau khi giải quyết tranh chấp đất giữa bà và bà N xong thì bà mới trả. Do bà đã đóng lãi nhiều nên xin không trả lãi suất từ ngày 28.5.2023 âm lịch đến nay, đến cuối năm 2024 thì bà sẽ trả cho bà N số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Bộ luật dân sự.

Các đương sự có địa chỉ cư trú tại khóm Ngọc Hườn, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

Theo bà N thì ngày 28.5.2020 âm lịch bà K có vay của bà số tiền là 100.000.000 đồng. Bà K cho rằng ngày 28.5.2017 âm lịch bà có vay của bà N số tiền là 100.000.000 đồng, không có làm biên nhận nợ. Phía bà N có cung cấp biên nhận nợ ngày 28.5.2020 âm lịch số tiền vay là 100.000.000 đồng, bà K không thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ này nhưng xác định không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký. Hiện bà K cũng thừa nhận có vay và đồng ý trả cho bà N số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà K có vay của bà N số

tiền là 100.000.000 đồng là thực tế có xảy ra được bà K thừa nhận nên cần buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

* Đối với lãi suất:

Bà K có ý kiến không đồng ý trả lãi suất cho bà N vì cho rằng sau khi vay của bà N từ ngày 28.5.2017 âm lịch số tiền là 100.000.000 đồng, đã đóng lãi đầy đủ cho bà N trong 06 năm là 72.000.000 đồng. Phía bà N cho rằng bà K có trả lãi số tiền là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy lãi suất thỏa thuận giữa các bên mỗi năm là 12.000.000 đồng, là không cao hơn so với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà N và bà K cũng thống nhất từ ngày 28/5/2023 âm lịch đến nay thì bà K không đóng lãi cho bà N nên xác định tính lãi suất từ ngày 28/5/2023 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm. Bà N yêu cầu lãi suất theo thỏa thuận mỗi tháng là 1.000.000 đồng, phía bà K không đồng ý trả lãi cho bà N. Tuy nhiên xét việc bà N yêu cầu bà K trả lãi suất là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ ngày 28.5.2023 âm lịch tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 06 tháng 15 ngày, số tiền lãi là: 1.000.000 đồng x 06 tháng 15 ngày = 6.500.000 đồng.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử buộc bà K có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất là 6.500.000 đồng, tổng cộng là 106.500.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Do bà K thuộc trường hợp được miễn án phí nên có xem xét miễn án phí cho bà K theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Yến N đối với bà Lê Thị K.

Buộc bà Lê Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Yến N tổng số tiền là 106.500.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền trên, kể từ ngày bà Lê Thị Yến N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị K không thi hành xong thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị K thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Bà Lê Thị Yến N thuộc trường hợp được miễn án phí và không dự nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị Yến N và bà Lê Thị K có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng